

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - một thể chế quản trị căn cốt cho xây dựng và phát triển thành phố thông minh

VŨ TUẤN HUNG

Bài viết phân tích vị trí, vai trò của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong xây dựng thành phố thông minh mà Việt Nam hướng tới.

Từ khóa: bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; thành phố thông minh; quản trị thành phố thông minh.

Đặt vấn đề

Việc xây dựng thành phố thông minh đang trở thành một trào lưu của nhiều đô thị trên thế giới. Ở Việt Nam, gần đây đã có một số nghiên cứu và triển khai bước đầu có định hướng xây dựng mô hình đô thị thông minh với nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Có rất nhiều nhân tố để tạo dựng một thành phố thông minh: công nghệ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thể chế quản trị, sự tinh nhuệ của các tổ chức, hệ thống dịch vụ, chất lượng cư dân... một nhân tố quan trọng được coi như nền tảng tạo ra “đế chế thông minh” đó chính là thể chế cho sự sáng tạo và quản trị khuyến khích, bảo vệ sự sáng tạo. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được coi như một thể chế quản trị căn cốt cho xây dựng và phát triển thành phố thông minh.

1. Một số khái niệm cơ bản

1.1. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của con người, tổ chức đối với các tài sản trí tuệ do mình hoặc tổ chức sáng tạo ra qua một cơ chế để khuyến khích các sáng tạo trí tuệ vì sự phát triển của nhân loại. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của cá nhân, tổ chức đối với tài sản trí tuệ, trong đó bao gồm 3 nhóm quyền cơ bản: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng¹. Quyền tác giả là quyền của cá nhân và tổ chức đối với tác phẩm do mình sáng tạo hoặc sở hữu và các

quyền liên quan đến quyền tác giả như: quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh². Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

Từ các nhóm quyền cơ bản của sở hữu trí tuệ trên, cho chúng ta thấy việc tạo ra thể chế khuyến khích sáng tạo trí tuệ và có một cơ chế bảo hộ các tài sản trí tuệ đã được sáng tạo sẽ là một nhân tố căn bản tạo động lực cho việc xây dựng và phát triển thành phố thông minh.

1.2. Thành phố thông minh

Thuật ngữ “smart city” – thành phố thông minh được sử dụng lần đầu trong khoảng thập niên 90 của thế kỷ XX. Trọng tâm chú ý là tầm quan trọng của các công nghệ mới đối

Vũ Tuấn Hưng, TS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

4. Vũ Tuấn Hưng (2011), *Bình luận về tinh khoa học của Luật Sở hữu trí tuệ 2005*, Đề tài cấp trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Quốc hội (2005), Luật Sở hữu trí tuệ.

với cơ sở hạ tầng hiện đại bên trong thành phố. Sự hiện đại hóa của công nghệ và kỹ thuật là một mạch truyền kích thích mạnh mẽ làm cho các công dân và thành viên sinh sống, làm việc nơi đây sẽ năng động hơn, cuộc sống tiện nghi, hữu ích và thân thiện hơn. Có thể coi thành phố thông minh là sự kết hợp cả cơ sở hạ tầng, nguồn vốn xã hội và công nghệ để bảo đảm phát triển kinh tế bền vững, mang đến môi trường hấp dẫn cho mọi thành phần.

Thành phố thông minh dường như là một khái niệm rộng lớn theo cách hiểu của nhiều người, nhưng về cơ bản đều đề cập tới việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông kết nối các cảm biến, mạng không dây tốc độ cao, xử lý dữ liệu lớn để nâng cao chất lượng cuộc sống nơi đô thị, cải thiện chất lượng phục vụ của chính quyền thành phố, giảm tiêu thụ năng lượng, quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nhìn chung, để đánh giá thành phố thông minh sẽ phải dựa trên mức độ thông minh của cơ sở hạ tầng tác động lên các lĩnh vực giao thông, y tế, xây dựng, năng lượng, quản trị... Xét trên bình diện như vậy, thành phố thông minh có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật số hiện đại kết hợp với dữ liệu công, cho phép công dân truy cập thông tin đầy đủ nhất bất kỳ khi nào.

Thứ hai, hệ thống thông minh trong nhận diện và cảnh báo các tác động của môi trường, thiên tai, công nghệ và sự ứng phó với các diễn biến khác thường của môi trường.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng vật lý thông minh giúp kiểm soát an ninh và tạo tiền đề thực hiện tốt an sinh, an toàn mọi mặt đời sống cho các cư dân thành phố.

Thứ tư, một tâm lý cởi mở để học từ người khác và thử nghiệm mô hình, cách tiếp cận mới; đó chính là cơ chế, thể chế quản trị trí tuệ khuyến khích sáng tạo và bảo hộ hữu hiệu các tài sản trí tuệ được sáng tạo ra.

Thứ năm, sự minh bạch về quản trị công, kết quả, hiệu suất về dịch vụ thành phố. Tạo

ra sự rõ ràng, thân thiện và kích thích mọi con người làm việc tạo ra hiệu suất cao nhất.

Thứ sáu, lãnh đạo phải có tầm nhìn rõ ràng, kiên định về cái mà thành phố tương lai mang lại cho người dân với cam kết thay đổi thành công. Tầm nhìn phải được phát triển từ sự tư vấn của công dân, tạo ra môi trường kinh doanh hấp dẫn để chất lượng cuộc sống được cải thiện.

2. Vai trò của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với xây dựng và phát triển thành phố thông minh

Các yếu tố cơ bản của một thành phố thông minh có bản chất của nó là sự sáng tạo trí tuệ và là thành quả của sự sáng tạo trí tuệ của con người. Việc xây dựng thể chế khuyến khích sự sáng tạo trí tuệ và bảo hộ tốt các tài sản trí tuệ có được từ sự sáng tạo đó sẽ là một vòng tròn khép kín tạo ra một xã hội sáng tạo và phát triển không ngừng. Do đó, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có vai trò quan trọng và được xem như là một thể chế quản trị căn cốt đối với việc xây dựng và phát triển thành phố thông minh; vai trò này thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ góp phần tạo thể chế quản trị trí tuệ dựa trên nền tảng khuyến khích sự sáng tạo trí tuệ, tạo ra các tài sản trí tuệ phục vụ hữu hiệu cho xây dựng và phát triển thành phố thông minh. Với những ưu thế của mình, các thiết chế trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ mang lại những giá trị bền vững, dài lâu khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong xã hội sáng tạo, dám nghĩ, dám đầu tư và tạo ra các sản phẩm sáng tạo hữu ích. Như vậy, việc tạo ra một cơ sở hạ tầng thông minh không phải là đã xây dựng xong thành phố thông minh; việc xây dựng thành phố thông minh còn cần đến trình độ trí tuệ của toàn bộ các chủ thể tham gia trong quản trị và xã hội - như người quản trị, công dân và hệ thống các công cụ quản trị, phương thức vận hành quản trị... tương thích.

Thứ hai, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là bảo vệ tài sản sáng tạo của quốc gia, doanh nghiệp và của công dân. Đích của cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là mang lại cho xã hội nhiều tài

sản trí tuệ mới, kích thích những sáng tạo có thể khai thác phục vụ tốt nhất cho đời sống của nhân loại, khu vực, quốc gia, địa phương. Các chủ thể sáng tạo và sở hữu tài sản trí tuệ có thể là tập thể, cá nhân với tư cách là quốc gia, dân tộc, địa phương, doanh nghiệp hay cá nhân. Trong môi trường kinh doanh, việc khai thác các tài sản trí tuệ có chiến lược sẽ nâng cao đáng kể năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp cũng như địa phương hay quốc gia sở hữu tài sản đó.

Tài sản có thể được chia làm hai loại chính: tài sản hữu hình – bao gồm nhà xưởng, máy móc, nguồn vốn và cơ sở hạ tầng...; tài sản vô hình – bao gồm nguồn nhân lực, bí quyết kỹ thuật và kinh doanh, sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng... và những tài sản vô hình khác có được từ khả năng sáng tạo và đổi mới của con người. Theo truyền thống, tài sản hữu hình chiếm phần lớn giá trị của doanh nghiệp và được coi là có vai trò quyết định đối với năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Do cuộc cách mạng công nghệ thông tin và sự phát triển của nền kinh tế dịch vụ, đặc biệt là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ngày càng nhiều doanh nghiệp nhận ra rằng tài sản vô hình của họ có giá trị lớn hơn so với các tài sản hữu hình. Ví dụ: giá trị của nhãn hiệu Coca-cola (chỉ cái tên) nhưng có giá trị gấp hàng trăm lần so với giá trị cơ sở vật chất mà doanh nghiệp này hiện sở hữu. Theo thống kê năm 2016, nhãn hiệu này có giá trị 58,5 tỷ USD là nhãn hiệu có giá trị đứng thứ 4 trên thế giới sau Apple³.

Trong các lĩnh vực mà kỹ thuật sản xuất truyền thống vẫn còn giữ vai trò chủ đạo thì sự đổi mới và sáng tạo không ngừng ngày càng trở thành chìa khóa nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tại các thị trường, cho dù đó là thị trường trong nước hay quốc tế. Các tài sản vô hình đang có vai trò trung tâm và các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tìm ra cách thức sử dụng có hiệu quả các tài sản vô hình của mình. Một cách thức quan trọng để thực hiện được việc này là bảo hộ pháp lý các tài sản vô hình, đăng ký và duy trì quyền sở hữu trí tuệ,

nếu thỏa mãn các điều kiện về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Quyền sở hữu trí tuệ được xác lập đối với các loại tài sản vô hình sau: (1) sản phẩm hoặc quy trình có tính sáng tạo (thông qua việc bảo hộ sáng chế hay giải pháp hữu ích); (2) tác phẩm văn hóa, nghệ thuật và văn học (ở một số nước còn bảo hộ cả phần mềm máy tính và bộ sưu tập tài liệu) (thông qua việc bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan); (3) các kiểu dáng sáng tạo, kể cả kiểu dáng đối với sản phẩm dệt may (thông qua việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp); (4) các dấu hiệu có tính phân biệt (phần lớn là thông qua việc bảo hộ nhãn hiệu, bao gồm nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận, tuy nhiên, có những dấu hiệu được bảo hộ chỉ dẫn địa lý); (5) mạch tích hợp điện tử (thông qua việc bảo hộ thiết kế bố trí hoặc mạch tích hợp bán dẫn); (6) tên gọi của hàng hóa có chất lượng hoặc danh tiếng nhất định được tạo nên do xuất xứ địa lý (thông qua việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý); (7) bí mật thương mại (thông qua việc bảo hộ thông tin bí mật có giá trị thương mại).

Thứ ba, bảo hộ sở hữu trí tuệ giúp tạo ra cơ chế tái đầu tư trí tuệ, khai thác giá trị của tài sản trí tuệ hiệu quả, là điều kiện để tái đầu tư cho nghiên cứu, tạo ra các sản phẩm sáng tạo mới. Việc đầu tư đúng đắn có thể coi như một yếu tố quan trọng để nâng cao giá trị thị trường của khoản đầu tư của doanh nghiệp và cá nhân. Việc đầu tư vào R&D hay việc đầu tư thiết bị, phát triển sản phẩm mới, đổi mới phương thức truyền thông tiếp thị và nghiên cứu sẽ cải thiện mạnh mẽ tình hình tài chính của công ty một cách bền vững. Kết quả của quá trình này là doanh nghiệp sẽ tích lũy được nhiều tài sản trí tuệ đưa vào khai thác lợi ích. Việc đầu tư tài chính và công sức trong nghiên cứu sản phẩm mới để tạo ra các tài sản trí tuệ khi được bảo hộ tốt, sẽ giúp doanh nghiệp đưa sản phẩm vào khai thác với giá trị mang lại gấp nhiều lần so với các sản phẩm thông thường

3. Sen A. (1983), Development: Which way now? *Economic Journal*, Vol. 93, Issue 37.

khác. Khoản lợi nhuận này sẽ là một 'cú hích' hữu hiệu để kích thích các doanh nghiệp tiếp tục sáng tạo, tiếp tục đầu tư nghiên cứu, tạo ra các tài sản trí tuệ mới và thành phố thông minh sẽ ngày càng được hình thành và liên tục phát triển dựa trên việc tái đầu tư trí tuệ này của các tổ chức, cá nhân.

Thứ tư, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giúp nâng cao giá trị trong đó có giá trị sản phẩm, nâng cao năng suất và từ đó tạo ra giá trị lao động, tạo điều kiện thu nhập tốt hơn cho người lao động, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Một điểm quan trọng của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là nó biến những tài sản vô hình thành các quyền sở hữu độc quyền cho người sáng tạo hoặc chủ sở hữu, dù chỉ trong một thời hạn nhất định. Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho phép doanh nghiệp có được quyền sở hữu đối với các tài sản vô hình và khai thác tối đa tiềm năng của những tài sản này, làm cho các tài sản vô hình trở nên "hữu hình" hơn bằng cách biến các tài sản đó thành tài sản độc quyền có giá trị có thể trao đổi trên thị trường. Chính quá trình này sẽ giúp người lao động có thu nhập tốt hơn, đời sống tốt hơn, các chủ doanh nghiệp sẽ có nhiều lợi nhuận hơn và là căn cứ quan trọng để thực hiện các chính sách phúc lợi, an sinh xã hội tốt hơn. Đây là một nhân tố quan trọng cho việc giải quyết vấn đề an sinh cho thành phố thông minh.

Thứ năm, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giúp thực hiện tốt nhất mục tiêu căn cốt của thành phố thông minh là an ninh, an sinh, an toàn và phát triển. Ví dụ, các sáng tạo trí tuệ giúp tạo ra các thiết bị kiểm soát an ninh cho xã hội và con người; các thiết bị cảm biến phòng tránh các diễn biến khắc nghiệt của môi trường giúp kiểm soát an toàn cho công dân và toàn xã hội; các thiết bị thực hiện tốt hơn các chính sách an sinh xã hội đối với người tàn tật, người ốm đau.

3. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và xây dựng, phát triển thành phố thông minh ở Việt Nam

3.1. Những cơ hội và thách thức

Thứ nhất, những cơ hội trong việc hoàn thiện hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ kết hợp xây dựng thành phố thông minh.

Để hội nhập, Việt Nam đã xây dựng hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ khá đầy đủ, từ xây dựng hệ thống luật pháp, các chủ thể quản lý và giám sát, tham gia, các chủ thể là đại diện sở hữu trí tuệ và các cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, xây dựng tài sản trí tuệ... tạo ra sự thay đổi về nhận thức, thực thi đối với quyền sở hữu trí tuệ, góp phần khuyến khích các sáng tạo trí tuệ, tạo ra ngày một nhiều hơn các tài sản trí tuệ cho quốc gia, địa phương, tổ chức, cá nhân. Chương trình 68 về phát triển tài sản trí tuệ quốc gia và địa phương do Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và công nghệ chủ trì với nội dung nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam, trong đó ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chiến lược, đặc thù, có tiềm năng xuất khẩu. Đây có thể coi là một cơ hội cần hoàn thiện và phát triển hơn khi thực hiện xây dựng thành phố thông minh ở một số địa phương có điều kiện thuận lợi của Việt Nam. Bên cạnh đó, với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam có thể tận dụng các quan hệ hợp tác song phương, đa phương, khu vực và các tổ chức trên thế giới để tận dụng sự ủng hộ, giúp đỡ và trên nền tảng hợp tác cùng phát triển để củng cố, phát triển các tài sản trí tuệ, khuyến khích hội nhập các tài sản trí tuệ và thu hút các nguồn đầu tư và các nguồn vốn nước ngoài để phát triển kinh tế xã hội.

Ngoài ra, nhiều người Việt Nam được đi đào tạo và học tập tại các quốc gia phát triển, internet và hệ thống kết nối xã hội đã tạo cơ hội cho nguồn nhân lực của Việt Nam tiếp cận với các trí tuệ, tri thức của thế giới, học hỏi và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - một yếu tố quan trọng cho việc xây dựng, hoàn thiện thành phố thông minh với các công dân ngày càng được nâng cao về trình độ, công nghệ.

Thứ hai, những thách thức trong việc hoàn thiện hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ kết

hợp xây dựng thành phố thông minh.

Việt Nam cũng gặp phải rất nhiều khó khăn, thách thức trong việc hoàn thiện hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ là tiền đề để xây dựng thành phố thông minh với những chuẩn mực bền vững. Mặc dù có một hệ thống luật pháp khá đầy đủ về sở hữu trí tuệ, nhưng quá trình thực thi của Việt Nam còn kém hiệu quả, công kênh và không thực chất, chưa thực sự khuyến khích được các sáng tạo trí tuệ của cá nhân, tổ chức đầu tư kinh doanh ở Việt Nam, chưa thực sự tạo niềm tin đầu tư lâu dài cho các nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Việt. Do đó, các tài sản trí tuệ của Việt Nam còn khá khiêm tốn so với các tài sản trí tuệ mà các quốc gia phát triển như Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc... có được. Điều đó cho thấy cần hoàn thiện và thực thi hiệu quả hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ một cách hợp lý và có định hướng, để một mặt giải quyết các vấn đề của nước phát triển sau trong việc tận dụng các sáng tạo trí tuệ để phát triển, mặt khác phải có một cơ chế để khuyến khích sáng tạo nội tại của Việt Nam và thu hút các lĩnh vực đầu tư trí tuệ của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Thứ ba, chất lượng nguồn lao động thấp, chưa chuyên nghiệp, trình độ không đồng đều và khả năng triển khai các hoạt động công nghiệp quy mô chưa cao; cơ sở hạ tầng hiện tại còn nghèo nàn và chưa đồng bộ, cơ sở hạ tầng công nghệ, thông tin và kỹ thuật, giao thông... còn hạn chế.

3.2. Một số gợi ý chính sách

Thứ nhất, cần xác định rõ xu hướng xây dựng thành phố thông minh là một xu hướng của nhân loại, do đó, Việt Nam cần nghiên cứu, học hỏi để xây dựng các thành phố thông minh vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh".

Thứ hai, việc xác định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là nhân tố căn cốt để xây dựng và phát triển thành phố thông minh bền vững, cần xây dựng một lộ trình và thực thi linh hoạt để tận dụng tối đa các tài sản trí tuệ và công nghệ hiện đại để phát triển đất nước, đồng thời, khuyến khích sáng tạo trí tuệ đôi với nguồn nhân lực trong nước và nước ngoài để phục vụ sự nghiệp

phát triển của Việt Nam cả trước mắt và lâu dài.

Thứ ba, việc thực hiện xây dựng thành phố thông minh là xu thế phải thực hiện, song, tùy thuộc vào khả năng, điều kiện của mỗi địa phương sẽ triển khai và hoàn thiện phù hợp với những nguồn lực cấu thành mà địa phương có thuận lợi để khai thác và tận dụng thế mạnh, đồng thời là tiền đề, bài học rút kinh nghiệm cho các địa phương khác học hỏi, xây dựng và hoàn thiện.

Thứ tư, thông minh không phải là đích mà là phương tiện để phát triển bền vững, cạnh tranh, thịnh vượng và cuộc sống có chất lượng. Trách nhiệm của hệ thống quản trị trí tuệ là xây dựng nền tảng cho sự sáng tạo và thông minh hơn.

Thứ năm, thành phố thông minh ở Việt Nam phải có đặc thù của Việt Nam trên nền tảng xây dựng các giá trị cốt lõi kết hợp giữa sự phát triển thông minh toàn diện không chỉ về cơ sở vật chất, an ninh, an sinh, an toàn mà còn tạo điều kiện cho sự phát triển, đảm bảo phát triển được các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc, học hỏi và phát huy các giá trị của nhân loại phù hợp với đặc điểm của Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kamil Idris (2005), *Sở hữu trí tuệ một công cụ phát triển kinh tế hữu hiệu*, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.
2. Quốc hội (2005), Luật Sở hữu trí tuệ.
3. Sen A.(1983), Development: Which way now? *Economic Journal*, Vol.93 Issue 37.
4. Vũ Tuấn Hưng (2011), *Bình luận về tinh khoa học của Luật Sở hữu trí tuệ 2005*, Đề tài cấp trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. ARUP (2013), "Smart Cities: Opportunities for the UK," *BIS Research Paper No. 136, UK Department for Business, Innovation and Skills*, London. 2016.
6. Belanger F., and Carter L. (2012), "Digitizing Government Interactions with Constituents: An Historical Review of E-Government Research in Information Systems," *Journal of the Association for Information Systems* (13:5), pp. 363-394
7. Smart Cities: A Value Generation Research Agenda. IRELAND, 2016.
8. Beth Massey, Long Pham, Tai Tan Mai (2016), *Key Factors for Effective Citizens Engagement in Smart City: The Case of Cork City*. IRELAND.
9. <http://www.24h.com.vn/thi-truong-tieu-dung/top-15-thuong-hieu-co-gia-nhat-tren-the-gioi-nam-2016>.